

Bản án số: 102/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

2. Bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B – sinh năm 1972.

Địa chỉ: 76/6, ấp X, xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị H – sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2021 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Ông và bà H tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn nhau, thường xuyên cự cãi, xúc phạm đe dọa nhau. Từ tháng 10/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn, ông B xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với bà H nên ông yêu cầu ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Lời khai của bà H trong quá trình tố tụng thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn tự nguyện vào năm 2014. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì xảy ra mâu thuẫn bất hòa. Lý do vợ chồng cự cãi nhau, ông B bỏ đi cho đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay ông B yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý.

- Con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Quá hạn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông B. Về hôn nhân: Cho ông B được ly hôn với bà H. Về con chung: Không có; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ông B phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Ông B và bà H tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bà H tuy không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn bất hòa, từ tháng 03/2021 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải,

hàn gắn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mất niềm tin với nhau, giữa vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông B phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 89; 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

1.1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Vũ Thị H.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng không có con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004114 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L (Số 61 ngày 18/9/2014) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Hồng Thạnh

